

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 4- 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HN ngày 14-4-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1994, nơi cư trú: số 1205, ấp VL, xã V, huyện AP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyen Beo S, sinh năm 1972, nơi cư trú: Surrey Bc , British columbia, Canada, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Trần Ngọc D trình bày:

Bà Trần Ngọc D và ông Nguyen Beo S quen biết và tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 13-07-2018. Sau khi kết hôn, ông Nguyen Beo S trở về Canada. Giữa bà D và ông Nguyen Beo S có liên lạc qua điện thoại nhưng thấy tình cảm không còn, khoảng cách địa lý quá xa, những bất đồng trong quan điểm và cách sống. Nay bà D làm đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyen Beo S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyen Beo S có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26-02-2022. Bị đơn ông Nguyen Beo S trình bày trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã nhận được thông báo của Tòa án và đồng ý ly hôn với nguyên đơn là bà D.

Ngày 22-02-2022, bà D có đơn yêu cầu không hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyen Beo S, sinh năm 1972, có nơi cư trú tại Canada, nguyên đơn có nơi cư trú tại số 1205, ấp VL, xã V, huyện AP, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Ngọc D và ông Nguyen Beo S có tự nguyện đăng ký và được Ủy ban nhân huyện AP, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 12, ngày 13-7-2018, công nhận hôn nhân.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày sau khi kết hôn, ông Nguyen Beo S trở về Canada. Giữa bà D và ông Nguyen Beo S có liên lạc qua điện thoại nhưng thấy tình cảm không còn, khoảng cách địa lý quá xa, những bất đồng trong quan điểm và cách sống.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện ly hôn và bị đơn có văn bản đồng ý. Xét, vợ chồng không có điều kiện chung sống do tình cảm không còn, xa cách về địa lý, những bất đồng trong quan điểm và cách sống, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc D.

1. Bà Trần Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Beo S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 13-7-2018 của Ủy ban nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000064 ngày 22-02-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Ngọc D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Trần Ngọc D có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Beo S là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GD và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Hồng

